

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/12/2024

V/v Xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngụy Mộng Cầm
2. Ông Châu Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 334/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST – HN ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 334/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2024/QĐST – HN ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị N, sinh năm 1995, nơi cư trú: ấp X, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau. (Có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1994, nơi cư trú: Số B, Khóm T, phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phan Thị N trình bày:

Vào năm 2012 chị N và anh T do quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, không có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nguyên nhân do vợ chồng đi làm công nhân sống xa nhà, không có thời gian về địa phương đăng ký kết hôn và khi sống chung chị N thấy anh T không lo làm ăn, rượu chè, quan điểm sống không giống nhau nên chị không muốn làm thủ tục đăng ký kết hôn với anh T. Cha anh T không đồng ý chị với anh T cưới nhau nên không cho mượn sổ hộ khẩu để đăng ký kết hôn.

Trong thời kỳ hôn nhân chị N và anh T có 02 con chung tên Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016, hiện con chung do chị N nuôi dưỡng.

Sau khi cưới vợ chồng đến Tỉnh Bình Dương để làm công và sinh sống hạnh phúc, sau đó đến khoảng năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cự cãi nhau, anh T hay ghen tuông vô cớ, rượu chè. Chị N đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, từ khi sống ly thân thì không còn liên lạc nhau, anh T cũng không tới lui thăm con hay cấp dưỡng nuôi con. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị N yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn T.

Về nuôi dưỡng con chung: Cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016 chị N yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến trình bày của bị đơn anh Phan Văn T: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.*

** Ý kiến trình bày của cháu B và cháu T1 là mong muốn sống chung với mẹ.*

Tại phiên tòa:

- Ý kiến trình bày của nguyên đơn chị Phan Thị N: Chị N vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về hôn nhân xin ly hôn anh Phan Văn T, về nuôi dưỡng con chung cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016 chị yêu cầu nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu

anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chị N tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định: Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53, 81,82,83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị N. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị N và anh Phan Văn T.

- Về nuôi dưỡng con chung: Cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016 cho chị Phan Thị N nuôi dưỡng.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị N tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Vĩnh Long giải quyết ly hôn anh Phan Văn T, sinh năm 1994 nơi cư trú Số B, Khóm T, phường T, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành Phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng

nếu thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm cho anh Phan Văn T đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh T. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Phan Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị N và anh Phan Văn T chung sống với nhau như vợ chồng năm 2012 không có đăng ký kết hôn. Do đó, về hôn nhân chị N, anh T đã vi phạm vào Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên giữa chị Phan Thị N và anh Phan Văn T không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016 do chị N đang nuôi dưỡng, chị N yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, cháu T1 của chị N là hoàn toàn có cơ sở, bởi vì từ khi chị N và anh T sống ly thân đến nay cháu B, cháu T1 do chị N nuôi dưỡng cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống vật chất, tinh thần cho các cháu, nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với mẹ. Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phan Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14, Điều 53 và Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị N và anh Phan Văn T.

2. Về nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Phan Hoàng Gia B, sinh ngày 22/12/2013 và cháu Phan Ngọc T1, sinh ngày 09/02/2016 cho chị Phan Thị N nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị N tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị N phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0007208 ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Vậy chị Phan Thị N đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.TP. Vĩnh Long 01;
- Chi cục THADS. TP Vĩnh Long 01;
- Các đương sự 02;
- UBND xã An Viên, p.Tân Hội;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ 03.

Nguyễn Thị Hồng Diễm